TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngẫu;

Ông Phạm Đức Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 794/2017/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1974; (có mặt tại phiên tòa).

Hộ khẩu thường trú: Số 160/5, Tổ 5, Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982; (vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú cuối cùng: Số 160/5, Tổ 5, Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Năm 2001, ông và bà Th đã kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được cả hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương chấp thuận. Ông và bà Th

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 25 quyển số 1 ngày 10 tháng 10 năm 2001.

Từ năm 2011 đến nay, bà Th vì cờ bạc đã bỏ nhà ra đi và dẫn theo con trai Nguyễn Huy H. Ông đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không tìm ra và bà Th không liên lạc với gia đình, con cái, là một người vợ vô trách nhiệm với gia đình. Đến nay gần 7 năm, ông nhận thấy tình cảm giữa ông và bà Th không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Kim N sinh ngày 06/11/2004 và Nguyễn Huy H sinh ngày 26/6/2010. Ông yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N và bà Th nuôi cháu Nguyễn Huy H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông khai không có.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Th:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần nhưng bà Th vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của bà Th.

3. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật đầy đủ trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim N cho ông V nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Huy H cho bà Th nuôi dưỡng, không buộc một trong hai người phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà Th tự nguyện kết hôn vào năm 2001 và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 25 quyển số 1 ngày 10 tháng 10 năm 2001 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, từ năm 2011 đến nay bà Th đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không có liên lạc gì với gia đình, ông V đã làm đơn yêu cầu tuyên bố bà Th mất tích và được Tòa án nhân dân huyện Long Thành chấp nhận đơn yêu cầu theo Quyết định số: 14/2017/QĐDS-ST ngày 31/7/2017. Nên việc chấp nhận cho ông V được ly hôn với bà Th là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Kim N sinh ngày 06/11/2004 và Nguyễn Huy H sinh ngày 26/6/2010.

Đối với cháu Nguyễn Thị Kim N hiện nay đã trên 07 tuổi sau khi bà Th bỏ đi cháu được ông V chăm sóc, giáo dục tốt và cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng cha khi cha, mẹ ly hôn nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Ngân cho ông V nuôi dưỡng.

Đối với cháu Nguyễn Huy H đã trên 07 tuổi nhưng vào thời điểm bà Th bỏ đi đã dắt cháu theo, hiện nay Tòa án không xác định được địa chỉ cư trú của cháu nên không thể tiến hành lấy lời khai của cháu để xem xét nguyện vọng của cháu muốn sống với ai khi ông V và bà Th ly hôn, đồng thời ông V cũng có yêu cầu giao cháu H cho bà Th nuôi dưỡng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Theo quy định này thì nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố để Tòa án xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, theo quy định tại Điều 214 và Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự việc không lấy được lời khai của con không phải là căn cứ để tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Do đó, căn cứ vào quyền lợi của cháu H Tòa án giao cháu Hoàng cho bà Th trực tiếp nuôi con.

Ông V yêu cầu ông không cấp dưỡng nuôi cháu H và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi cháu N, bên cạnh đó bà Th không có ý kiến đối với yêu cầu của

ông V nên chấp nhận yêu cầu của ông V tạm thời ông V và bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V với bà Nguyễn Thị Th.

Xử cho ông V được ly hôn với bà Th.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 06/11/2004 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/6/2010 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời ông V và bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Sau khi ly hôn, ông V và bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết, ông V, bà Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 005068 ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Ông V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Long Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự h.Long Thành;
- UBND xã K, huyện Y, tỉnh N.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng, Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Tấn Hưng